

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Tên chương trình	: Tiếng Anh
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Ngành đào tạo	: Tiếng Anh
Tên tiếng Anh	: The English Language
Loại hình đào tạo	: Chính quy – hệ tín chỉ
Mã ngành	: 51220204

(Ban hành theo Quyết định số, ngày...15...tháng 07 năm 2013. của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo cử nhân cao đẳng ngành Tiếng Anh có phẩm chất chính trị, kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc trong môi trường giáo dục và kinh doanh, đáp ứng được nhu cầu về nhân lực cho xã hội và đất nước trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế.

Trong quá trình học tập, sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là kiến thức và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể thích ứng với môi trường giáo dục để giảng dạy trẻ em, học sinh và làm việc trong môi trường kinh doanh, du lịch, dịch vụ nhà hàng, khách sạn ở các vị trí như: giáo viên, thư ký văn phòng, nhân viên tiếp tân, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên phòng nhân sự, phòng đối ngoại .v.v.

Ngành Tiếng Anh đào tạo 2 chuyên ngành:

- Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

Hoàn tất chương trình, sinh viên có thể giảng dạy ngữ pháp, phát âm, từ vựng và luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng cách áp dụng các phương pháp giảng dạy và thực hành, tạo được môi trường giao tiếp sinh động, hiệu quả bằng tiếng Anh với các đối tượng như: học sinh trường tiểu học, trường phổ thông cơ sở, các trung tâm ngoại ngữ ở thành phố và tại địa phương có nhu cầu..

- Biên phiên dịch thương mại, khách sạn và du lịch

Hoàn tất chương trình, sinh viên có thể: giao tiếp, báo cáo, thuyết trình, biên phiên dịch, liên lạc qua thư tín, email, soạn thảo văn bản .v.v. bằng tiếng Anh. Những vị trí sinh viên có thể đảm nhận sau khi ra trường: nhân viên dịch thuật, tiếp tân nhà hàng, khách sạn, người tổ chức sự kiện, hướng dẫn viên du lịch .v.v. ở các công ty, doanh nghiệp, văn phòng kinh doanh, thương mại .v.v.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC: 115 tín chỉ (không kể Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO

Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDDT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

6.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 34 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

6.1.1. Lý luận Triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	001231	Những NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	75		
2	000565	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	45		001840(a)
3	001840	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		001231(a)
		Tổng	10	150		

6.1.2. Khoa học xã hội

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
4	001374	Quản trị học	2	30		
5	000275	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30		
6	001731	Tiếng Việt thực hành	2	30		
7	001294	Pháp luật đại cương	2	30		
		Tổng	8	120		

6.1.3. Nhân văn – nghệ thuật

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
8	000851	Kỹ năng giao tiếp	2	30		
		Tổng	2	30		

6.1.4. Ngoại ngữ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
9		Học phần ngoại ngữ tự chọn 1	3	30	30	
10		Học phần ngoại ngữ tự chọn 2	3	30	30	
11		Học phần ngoại ngữ tự chọn 3	3	30	30	
12		Học phần ngoại ngữ tự chọn 4	3	30	30	
		Tổng	12	120	120	

Sinh viên chọn 1 trong 3 ngoại ngữ:**6.1.4.1. Tiếng Trung:**

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
13	001724	Tiếng Trung 1	3	30	30	
14	001725	Tiếng Trung 2	3	30	30	001724(a)
15	001726	Tiếng Trung 3	3	30	30	001725(a)
16	001727	Tiếng Trung 4	3	30	30	001726(a)

6.1.4.2. Tiếng Nhật:

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
17	001719	Tiếng Nhật 1	3	30	30	
18	001720	Tiếng Nhật 2	3	30	30	001719(a)
19	001721	Tiếng Nhật 3	3	30	30	001720(a)
20	001722	Tiếng Nhật 4	3	30	30	001721(a)

6.1.4.3. Tiếng Hàn:

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
21	001713	Tiếng Hàn 1	3	30	30	
22	001714	Tiếng Hàn 2	3	30	30	001713(a)
23	001715	Tiếng Hàn 3	3	30	30	001714(a)
24	001716	Tiếng Hàn 4	3	30	30	001715(a)

6.1.5. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
25	001760	Tin học văn phòng - Thực hành	2		60	
		Tổng	2		60	

6.1.6. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
26	000592	Giáo dục thể chất 1	1		30	
27	000593	Giáo dục thể chất 2	1		30	
28	000594	Giáo dục thể chất 3	1		30	
		Tổng	3		90	

6.1.7. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
29	000585	Giáo dục quốc phòng - Cao đẳng	9	117	18	
		Tổng	9	117	18	

6.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 81 tín chỉ**6.2.1. Kiến thức cơ sở: 56 tín chỉ****6.2.1.1. Học phần bắt buộc: 50 tín chỉ**

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
30	000511	Đọc tiếng Anh 1	3	30	30	
31	000512	Đọc tiếng Anh 2	3	30	30	000511(a)

32	000513	Đọc tiếng Anh 3	3	30	30	000512(a)
33	000514	Đọc tiếng Anh 4	3	30	30	000513(a)
34	001841	Dẫn nhập ngôn ngữ	2	15	30	
35	001011	Luyện phát âm tiếng Anh	3	30	30	
36	001085	Nghe & Nói tiếng Anh 1	3	30	30	
37	001086	Nghe & Nói tiếng Anh 2	3	30	30	001085(a)
38	001087	Nghe & Nói tiếng Anh 3	3	30	30	001086(a)
39	001088	Nghe & Nói tiếng Anh 4	3	30	30	001087(a)
40	001089	Nghe & Nói tiếng Anh 5	3	30	30	001088(a)
41	000925	Kỹ thuật thuyết trình tiếng Anh	2	15	30	000514(a) 001088(a) 001914(a)
42	001176	Ngữ pháp tiếng Anh	2	15	30	
43	001854	Văn hóa Mỹ	2	15	30	
44	001911	Viết tiếng Anh 1	3	30	30	
45	001912	Viết tiếng Anh 2	3	30	30	001911(a)
46	001913	Viết tiếng Anh 3	3	30	30	001912(a)
47	001914	Viết tiếng Anh 4	3	30	30	001913(a)
		Tổng	50	480	540	

6.2.1.2. Học phần tự chọn: 6 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
48	000015	Anh ngữ trong du lịch	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
49	000016	Anh ngữ trong kinh doanh	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
50	000018	Anh ngữ văn phòng 1	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
51	000890	Kỹ thuật kể chuyện	2	15	30	000514(a) 001088(a) 001914(a)
52	001023	Lý thuyết học ngoại ngữ	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
53	001851	Văn hóa Anh	2	15	30	
54	001856	Văn học Anh 1	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
55	001857	Văn học Anh 2	2	15	30	001856(a)
56	001858	Văn học Mỹ 1	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
57	001859	Văn học Mỹ 2	2	15	30	001858(a)

6.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 20 tín chỉ**6.2.2.1. Ngành phương pháp giảng dạy tiếng Anh: 20 tín chỉ**

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
58	000856	Kỹ năng học tiếng Anh	3	30	30	000512(a) 001086(a) 001912(a)
59	001307	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	3	30	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
60	001308	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	3	30	30	001307(a)
61	001310	Phương pháp kiểm tra và đánh giá học tập	3	30	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
62	001481	Tâm lý giáo dục học	3	30	30	
63	001671	Thực tập cuối khóa cao đẳng - PPGD	5		300	001308(a)
		Tổng	20	150	450	

6.2.2.2. Ngành Biên - phiên dịch thương mại, khách sạn và du lịch: 20 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
64	000085	Biên phiên dịch Anh ngữ du lịch 1	3	30	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
65	000086	Biên phiên dịch Anh ngữ du lịch 2	2	15	30	000085(b)
66	000087	Biên phiên dịch Anh ngữ khách sạn 1	3	30	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
67	000088	Biên phiên dịch Anh ngữ khách sạn 2	2	15	30	000087(b)
68	000089	Biên phiên dịch thương mại và văn phòng	4	45	30	000514(a) 001088(a) 001914(a)
69	032021	Thực tập cuối khóa cao đẳng - BPD	6		360	000086(a) 000088(a)
		Tổng	20	135	510	

6.2.3. Khóa luận tốt nghiệp: 5 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
70	000784	Khóa luận tốt nghiệp cao đẳng - Tiếng Anh	5	0	0	
71	000845	Kỹ năng Anh ngữ tổng hợp	5	75	0	Thay thế KLTN
		Tổng	5	75		

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; b : học phần tiên quyết; a: học phần trước; c: học phần song hành.

7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN)

Lưu ý: Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

7.1. Ngành phương pháp giảng dạy tiếng Anh

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	TC	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
Học kỳ 1							
Học phần bắt buộc				21	225	180	
1	000511	Đọc tiếng Anh 1	0201000511	3	30	30	
2	001011	Luyện phát âm tiếng Anh	0201001011	3	30	30	
3	001085	Nghe & Nói tiếng Anh 1	0201001085	3	30	30	
4	001231	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	0201001231	5	75	0	
5	001731	Tiếng Việt thực hành	0201001731	2	30	0	
6	001760	Tin học văn phòng - Thực hành	0201001760	2	0	60	
7	001911	Viết tiếng Anh 1	0201001911	3	30	30	
Học kỳ 2							
Học phần bắt buộc				17	195	120	
1	000512	Đọc tiếng Anh 2	0201000512	3	30	30	000511(a)
2	000851	Kỹ năng giao tiếp	0201000851	2	30	0	
3	001086	Nghe & Nói tiếng Anh 2	0201001086	3	30	30	001085(a)
4	001176	Ngữ pháp tiếng Anh	0201001176	2	15	30	
5	001374	Quản trị học	0201001374	2	30	0	
6	001840	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0201001840	2	30	0	001231(a)
7	001912	Viết tiếng Anh 2	0201001912	3	30	30	001911(a)
Học kỳ 3							
Học phần bắt buộc				12	120	120	
1	000513	Đọc tiếng Anh 3	0201000513	3	30	30	000512(a)
2	000856	Kỹ năng học tiếng Anh	0201000856	3	30	30	000512(a) 001086(a) 001912(a)
3	001087	Nghe & Nói tiếng Anh 3	0201001087	3	30	30	001086(a)
4	001913	Viết tiếng Anh 3	0201001913	3	30	30	001912(a)
Học phần tự chọn				5	45	60	
1	000018	Anh ngữ văn phòng 1	0201000018	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
2	000890	Kỹ thuật kể chuyện	0201000890	2	15	30	
3	001713	Tiếng Hàn 1	0201001713	3	30	30	
4	001719	Tiếng Nhật 1	0201001719	3	30	30	
5	001724	Tiếng Trung 1	0201001724	3	30	30	
Học kỳ 4							
Học phần bắt buộc				12	135	90	
1	000565	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0201000565	3	45	0	001840(a)
2	001294	Pháp luật đại cương	0201001294	2	30	0	

3	001307	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	0201001307	3	30	30	001087(a) 000513(a) 001913(a)
4	001854	Văn hóa Mỹ	0201001854	2	15	30	
5	032020	Dẫn nhập ngôn ngữ	0201032020	2	15	30	
Học phần tự chọn				5	45	60	
1	001023	Lý thuyết học ngoại ngữ	0201001023	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
2	001714	Tiếng Hàn 2	0201001714	3	30	30	001713(a)
3	001720	Tiếng Nhật 2	0201001720	3	30	30	001719(a)
4	001725	Tiếng Trung 2	0201001725	3	30	30	001724(a)
5	001851	Văn hóa Anh	0201001851	2	15	30	
6	001856	Văn học Anh 1	0201001856	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
7	000015	Anh ngữ trong du lịch	0201000015	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
8	001857	Văn học Anh 2	0201001857	2	15	30	001856(a)
Học kỳ 5							
Học phần bắt buộc				12	120	120	
1	000514	Đọc tiếng Anh 4	0201000514	3	30	30	000513(a)
2	001088	Nghe & Nói tiếng Anh 4	0201001088	3	30	30	001087(a)
3	001308	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	0201001308	3	30	30	001307(a)
4	001914	Viết tiếng Anh 4	0201001914	3	30	30	001913(a)
Học phần tự chọn				5	45	60	
1	001715	Tiếng Hàn 3	0201001715	3	30	30	001714(a)
2	001721	Tiếng Nhật 3	0201001721	3	30	30	001720(a)
3	001726	Tiếng Trung 3	0201001726	3	30	30	001725(a)
4	001858	Văn học Mỹ 1	0201001858	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
5	000016	Anh ngữ kinh doanh	0201000016	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
6	001859	Văn học Mỹ 2	0201001859	2	15	30	001858(a)
Học kỳ 6							
Học phần bắt buộc				13	135	120	
1	000275	Cơ sở văn hóa Việt Nam	0201000275	2	30	0	
2	000925	Kỹ thuật thuyết trình Tiếng Anh	0201000925	2	15	30	000514(a) 001088(a) 001914(a)
3	001089	Nghe & Nói tiếng Anh 5	0201001089	3	30	30	001088(a)
4	001310	Phương pháp kiểm tra và đánh giá học tập	0201001310	3	30	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
5	001481	Tâm lý giáo dục	0201001481	3	30	30	
Học phần tự chọn				3	30	30	

1	001716	Tiếng Hàn 4	0201001716	3	30	30	001715(a)
2	001722	Tiếng Nhật 4	0201001722	3	30	30	001721(a)
3	001727	Tiếng Trung 4	0201001727	3	30	30	001726(a)
Học kỳ 7							
Học phần bắt buộc				10	0	300	
1	001671	Thực tập cuối khóa cao đẳng – Phương pháp giảng dạy	0201001671	5	0	300	
2	000784	Khóa luận tốt nghiệp cao đẳng - Tiếng Anh	0201000784	5	0	0	

7.2. Ngành Biên - phiên dịch thương mại, khách sạn và du lịch

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	TC	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
Học kỳ 1							
Học phần bắt buộc				21	225	180	
1	000511	Độc tiếng Anh 1	0201000511	3	30	30	
2	001011	Luyện phát âm tiếng Anh	0201001011	3	30	30	
3	001085	Nghe & Nói tiếng Anh 1	0201001085	3	30	30	
4	001231	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	0201001231	5	75	0	
5	001731	Tiếng Việt thực hành	0201001731	2	30	0	
6	001760	Tin học văn phòng - Thực hành	0201001760	2	0	60	
7	001911	Viết tiếng Anh 1	0201001911	3	30	30	
Học kỳ 2							
Học phần bắt buộc				17	195	120	
1	000512	Độc tiếng Anh 2	0201000512	3	30	30	000511(a)
2	000851	Kỹ năng giao tiếp	0201000851	2	30	0	
3	001086	Nghe & Nói tiếng Anh 2	0201001086	3	30	30	001085(a)
4	001176	Ngữ pháp tiếng Anh	0201001176	2	15	30	
5	001374	Quản trị học	0201001374	2	30	0	
6	001840	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0201001840	2	30	0	001231(a)
7	001912	Viết tiếng Anh 2	0201001912	3	30	30	001911(a)
Học kỳ 3							
Học phần bắt buộc				120	120	120	
1	000085	Biên phiên dịch Anh ngữ du lịch 1	0201000085	3	30	30	000512(a)
2	000513	Độc tiếng Anh 3	0201000513	3	30	30	000512(a) 001086(a) 001912(a)
3	001087	Nghe & Nói tiếng Anh 3	0201001087	3	30	30	001086(a)
4	001913	Viết tiếng Anh 3	0201001913	3	30	30	001912(a)
Học phần tự chọn				5	45	60	
1	000018	Anh ngữ văn phòng 1	0201000018	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)

2	000890	Kỹ thuật kể chuyện	0201000890	2	15	30	
3	001713	Tiếng Hàn 1	0201001713	3	30	30	
4	001719	Tiếng Nhật 1	0201001719	3	30	30	
5	001724	Tiếng Trung 1	0201001724	3	30	30	
Học kỳ 4							
Học phần bắt buộc				11	120	90	
1	000086	Biên phiên dịch Anh ngữ du lịch 2	0201000086	2	15	30	000085(b)
2	000565	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0201000565	3	45	0	001840(a)
3	001294	Pháp luật đại cương	0201001294	2	30	0	
4	001854	Văn hóa Mỹ	0201001854	2	15	30	
5	032020	Dẫn nhập ngôn ngữ	0201032020	2	15	30	
Học phần tự chọn				5	45	60	
1	001023	Lý thuyết học ngoại ngữ	0201001023	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
2	001714	Tiếng Hàn 2	0201001714	3	30	30	001713(a)
3	001720	Tiếng Nhật 2	0201001720	3	30	30	001719(a)
4	001725	Tiếng Trung 2	0201001725	3	30	30	001724(a)
5	001851	Văn hóa Anh	0201001851	2	15	30	
6	000015	Anh ngữ trong du lịch	0201000015	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
7	001856	Văn học Anh 1	0201001856	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
8	001857	Văn học Anh 2	0201001857	2	15	30	001856(a)
Học kỳ 5							
Học phần bắt buộc				12	120	120	
1	000087	Biên phiên dịch Anh ngữ khách sạn 1	0201000087	3	30	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
2	000514	Độc tiếng Anh 4	0201000514	3	30	30	000513(a)
3	001088	Nghe & Nói tiếng Anh 4	0201001088	3	30	30	001087(a)
4	001914	Viết tiếng Anh 4	0201001914	3	30	30	001913(a)
Học phần tự chọn				5	45	60	
1	001715	Tiếng Hàn 3	0201001715	3	30	30	001714(a)
2	001721	Tiếng Nhật 3	0201001721	3	30	30	001720(a)
3	001726	Tiếng Trung 3	0201001726	3	30	30	001725(a)
4	000016	Anh ngữ kinh doanh	0201000016	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
5	001858	Văn học Mỹ 1	0201001858	2	15	30	000513(a) 001087(a) 001913(a)
6	001859	Văn học Mỹ 2	0201001859	2	15	30	001858(a)
Học kỳ 6							
Học phần bắt buộc				13	135	120	

1	000088	Biên phiên dịch Anh ngữ khách sạn 2	0201000088	2	15	30	000087(a)
2	000089	Biên phiên dịch thương mại và văn phòng	0201000089	4	45	30	000514(a) 001088(a) 001914(a)
3	000275	Cơ sở văn hóa Việt Nam	0201000275	2	30	0	
4	000925	Kỹ thuật thuyết trình tiếng Anh	0201000925	2	15	30	000514(a) 001088(a) 001914(a)
5	001089	Nghe & Nói tiếng Anh 5	0201001089	3	30	30	001088(a)
Học phần tự chọn				3	30	30	
1	001716	Tiếng Hàn 4	0201001716	3	30	30	001715(a)
2	001722	Tiếng Nhật 4	0201001722	3	30	30	001721(a)
3	001727	Tiếng Trung 4	0201001727	3	30	30	001726(a)
Học kỳ 7							
Học phần bắt buộc				11	0	360	
1	032021	Thực tập cuối khóa – Biên phiên dịch	0201032021	6	0	360	
2	000784	Khóa luận tốt nghiệp cao đẳng - Tiếng Anh	0201000784	5	0	0	

8. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Tích lũy đủ 115 tín chỉ khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp của Chương trình và thỏa các điều kiện theo Điều 27 Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT

9. MÔ TẢ NỘI DUNG HỌC PHẦN

001231 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin: 5 (75, 0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000565 Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh).

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

001840 Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin).

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000851 Kỹ năng giao tiếp: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Giới thiệu cho sinh viên các vấn đề khái quát trong giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp bằng lời và không dùng lời, giao tiếp kinh doanh qua điện thoại, giao tiếp kinh doanh trực tiếp, quy trình giao tiếp, cách thức nghiên cứu để hình thành thông điệp, cách thức thông đạt, sử dụng các phương tiện hỗ trợ trong giao tiếp kinh doanh; cách thức chuẩn bị, viết báo cáo và trình bày báo cáo kinh doanh; cách thức chuẩn bị các buổi phỏng vấn, chuẩn bị sơ yếu lý lịch và thư xin việc.

001374 Quản trị học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị và vận dụng thực tiễn của nó như khái niệm và bản chất, vai trò, chức năng của nhà quản trị, môi trường quản trị, quá trình phát triển của các học thuyết quản trị. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin, ra quyết định, quản trị đổi mới, quản trị rủi ro và cơ hội.

000275 Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên lý luận về văn hóa học đại cương, các quan điểm và phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng. Thông qua các thành tố văn hóa, không gian, thời gian văn hóa, người học hiểu được bản sắc văn hóa Việt Nam. Môn học này góp phần tạo cho sinh viên một bản lĩnh văn hóa dân tộc trong quá trình học tập và tiếp xúc với văn hóa của ngoại ngữ được học.

001731 Tiếng Việt thực hành: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Củng cố và phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng mẹ đẻ ở mức độ cao (kỹ năng ghi chép bài giảng, bài nói, kỹ năng tóm tắt, kỹ năng tổng thuật qua nghe hoặc đọc văn bản...). Môn học này cung cấp những tri thức cơ bản và hiện đại về tiếng Việt làm cơ sở để đối chiếu ngôn ngữ.

001294 Pháp luật đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản như: quy định pháp luật của Việt Nam liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, địa vị pháp lý của các doanh nghiệp, hành vi, phương thức thực hiện và các chế tài với hành vi kinh doanh, quy định về sử dụng lao động trong kinh doanh, các quy định về hợp đồng kinh tế, tranh chấp kinh tế và giải quyết các tranh chấp kinh tế trong hoạt động kinh doanh, phá sản doanh nghiệp.

000592 Giáo dục thể chất 1: 30 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng

Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000593 Giáo dục thể chất 2: 30 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000594 Giáo dục thể chất 3: 30 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000585 Giáo dục quốc phòng: 135 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

001724 Tiếng Trung 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phiên âm tiếng Trung, cách viết chữ Trung văn, một số từ vựng đơn giản để bước đầu làm quen với ngôn ngữ này và vận dụng để giao tiếp bằng những câu đơn giản trong cuộc sống.

001725 Tiếng Trung 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Trung 1)

Nội dung: Giúp sinh viên nắm vững khoảng 350 từ tiếng Trung, các cấu trúc câu, ngữ pháp điểm cơ bản trong giáo trình để có thể nghe hiểu và nói được những câu tiếng Trung có nội dung đơn giản, biết vận dụng để giao tiếp bằng tiếng Trung trong một số tình huống.

001726 Tiếng Trung 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Trung 2)

Nội dung: Cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản về tiếng Trung, nắm vững khoảng 600 từ tiếng Trung, các dạng câu và ngữ pháp chủ điểm, có thể vận dụng để giao tiếp thông thường.

001727 Tiếng Trung 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Trung 3)

Nội dung: Giúp sinh viên nắm vững khoảng 800 từ tiếng Trung thông dụng, vận dụng được kỹ năng giao tiếp trong các tình huống, có thể tự tin giao tiếp bằng tiếng Trung trong cuộc sống, sử dụng tiếng Trung để diễn đạt ý nghĩ bằng lời nói hoặc đoạn văn ngắn. Cuối học phần sinh viên có thể đạt trình độ tiếng Trung sơ cấp.

001719 Tiếng Nhật 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần dạy cách đọc-viết chữ Kana, giúp sinh viên Phân biệt và phát âm đúng thanh âm, trắc âm, bán trắc âm, trường âm, ảo âm và xúc âm trong bảng chữ cái tiếng Nhật nắm chắc 4 loại ký tự dùng trong tiếng Nhật: chữ Hán, chữ Katakana, chữ Hiragana, chữ Romaji. Dạy các cấu trúc ngữ pháp cơ sở như câu danh từ, động từ; cách chia thì và thể động từ cấp độ sơ cấp và một số mẫu câu hỏi giá cả, hỏi về sự sở hữu, nguồn gốc xuất xứ của đồ vật; câu rủ rê và từ chối lời rủ rê...Luyện tập viết những câu văn, đoạn văn ngắn ứng với các nội dung và mẫu câu đã học. Cung cấp vốn từ vựng cơ sở và khoảng 50 chữ Kanji

001720 Tiếng Nhật 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết:học phần trước (Tiếng Nhật 1)

Nội dung: Học phần dạy các mẫu ngữ pháp: cho - nhận, nguyên nhân – kết quả, so sánh, mục đích, yêu cầu, xin phép...Phân biệt các loại câu danh từ, câu động từ, câu tính từ; cách chia thì, thể của động từ, danh từ, tính từ. Ứng dụng các mẫu ngữ pháp đã học vào đàm thoại ở một số ngữ cảnh như: thăm viếng nhà người quen, hẹn hò..., hoặc viết những đoạn văn ngắn. Cung cấp vốn từ vựng cơ sở và khoảng 100 chữ Kanji

001721 Tiếng Nhật 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết:học phần trước (Tiếng Nhật 2)

Nội dung: Học phần cung cấp các mẫu ngữ pháp: trách nhiệm, nghĩa vụ, liệt kê hành động, câu điều kiện... Hướng dẫn và luyện tập cách chia thể Nai, thể từ điển, thể thông thường của động từ, tính từ ...Ứng dụng các mẫu ngữ pháp đã học vào đàm thoại ở một số ngữ cảnh như: trình bày ý kiến, quan điểm, hỏi sở thích, cách làm....Cung cấp thêm từ vựng và cách viết, cách đọc 150 chữ Kanji cấp độ N5

001722 Tiếng Nhật 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết:học phần trước (Tiếng Nhật 3)

Nội dung: Học phần tiếp tục cung cấp các mẫu ngữ pháp: gồm các mẫu câu nguyên nhân – kết quả, cho – nhận, các mẫu câu chỉ mục đích, phỏng đoán, sai khiến, xin phép - cho phép....Phân biệt sự giống và khác nhau trong cách dùng và ý nghĩa các mẫu câu nói được cung cấp trong học phần với mẫu câu đã học trước đó. Ứng dụng các mẫu ngữ pháp đã học vào đàm thoại ở một số ngữ cảnh như: trình bày ý kiến, cho lời khuyên....Cung cấp thêm từ vựng và cách viết, cách đọc 200 chữ Kanji cấp độ N5. Luyện tập viết câu và đoạn văn có độ dài khoảng 100 chữ

001713 Tiếng Hàn 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giúp sinh viên nắm vững ngữ pháp Tiếng Hàn ở mức độ sơ cấp đồng thời tạo nền tảng vững chắc để sinh viên có thể dễ dàng tiến đến các mức độ cao hơn. Bên cạnh đó, học

phần này cũng tạo sự dễ dàng cho sinh viên trong việc rèn luyện các kỹ năng đọc và viết tiếng Hàn mức độ sơ cấp 1 gồm 5 bài (từ bài 1 đến bài 5) của sách Tiếng Hàn 1, sách Yonsei.

001714 Tiếng Hàn 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Hàn 1)

Giúp sinh viên nắm vững ngữ pháp Tiếng Hàn ở mức độ sơ cấp đồng thời tạo nền tảng vững chắc để sinh viên có thể dễ dàng tiến đến các mức độ cao hơn. Bên cạnh đó, học phần này cũng tạo sự dễ dàng cho sinh viên trong việc rèn luyện các kỹ năng đọc và viết tiếng Hàn mức độ sơ cấp.

001715 Tiếng Hàn 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Hàn 2)

Học phần cung cấp cho sinh viên ngữ pháp tiêu chuẩn của tiếng Hàn. Sinh viên có thể vận dụng ngữ pháp đã học để giao tiếp với người Hàn Quốc ở mức độ thông thường. Sau học phần này, khi giao tiếp, sinh viên có thể tư duy bằng tiếng Hàn mà không cần dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hàn để nói.

001716 Tiếng Hàn 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Hàn 3)

Học phần cung cấp cho sinh viên ngữ pháp tiêu chuẩn của tiếng Hàn. Sinh viên có thể vận dụng ngữ pháp đã học để giao tiếp với người Hàn Quốc ở mức độ thông thường. Sau học phần này, khi giao tiếp, sinh viên có thể tư duy bằng tiếng Hàn mà không cần dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hàn để nói.

001760 Tin học văn phòng – Thực hành: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về máy tính và các kỹ năng tối thiểu để sử dụng máy tính. Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng máy tính một cách căn bản để giải quyết những vấn đề thường gặp như: gõ văn bản tiếng Việt, in ấn, kẻ bảng tính đơn giản, làm slide, quản lý tập tin, nén dữ liệu, dùng ổ đĩa cứng ngoài, diệt virus, dùng thư điện tử, duyệt web, sử dụng các phần mềm văn phòng ở mức tối thiểu.

000511 Đọc tiếng Anh 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên các kỹ thuật đọc hiểu căn bản, hiệu quả như cách đọc lướt, đọc và đoán nghĩa của từ, đọc và đoán nội dung của đoạn, đọc và tìm ý chính của đoạn v.v. Nội dung học phần bao gồm các dạng bài đọc hiểu gắn với nhiều chủ đề phong phú liên quan đến các lĩnh vực như: giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật, hội họa, kinh tế, công nông nghiệp v.v. Ngoài ra, sau mỗi bài đọc còn có các bài tập được thiết kế đa dạng nhằm củng cố kỹ năng đọc ở trình độ sơ cấp

000512 Đọc tiếng Anh 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Đọc tiếng Anh 1)

Nội dung: Môn học tiếp tục luyện tập cho sinh viên các kỹ thuật đọc hiểu đã học ở học phần Đọc 1 nhưng ở cấp độ cao hơn. Nội dung bài học trong giáo trình bao gồm các bài đọc hiểu có độ dài và mức độ khó vừa phải với nhiều chủ đề phong phú. Trong học phần này sinh viên cũng được tiếp cận với nhiều dạng bài tập khác nhau nhằm giúp sinh viên gia tăng vốn từ vựng và phát triển các kỹ năng đọc đã được học ở trình độ tiền trung cấp

000513 Đọc tiếng Anh 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Đọc tiếng Anh 2)

Nội dung: Môn học nhằm tiếp tục phát triển hơn nữa các kỹ thuật đọc hiểu của sinh viên đã được học ở học phần Đọc 1 và Đọc 2 và khả năng áp dụng các kỹ thuật đó vào việc đọc hiểu các bài khóa bất kỳ. Học phần này chú trọng đến việc cung cấp các bài khóa tương đối dài và có nội dung phức tạp hơn. Chủ đề của các bài đọc cũng phong phú và đa dạng hơn. Số lượng từ vựng mới và mang tính chuyên ngành ở nhiều lĩnh vực khác nhau cũng được giới thiệu nhiều hơn trong nội dung của học phần này. Sinh viên có thể đạt trình độ trung cấp khi kết thúc học phần.

000514 Đọc tiếng Anh 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Đọc tiếng Anh 3)

Nội dung: Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các bài học dài và phức tạp cũng như bài tập với nhiều hình thức khác nhau để giúp sinh viên củng cố, thực hành, và cải thiện kỹ năng đọc. Ngoài ra, sinh viên cũng được cung cấp và luyện tập các bài tập đọc hiểu theo dạng trắc nghiệm ở trình độ nâng cao.

000856 Kỹ năng học tiếng Anh: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe nói tiếng Anh 2, Đọc tiếng Anh 2, Viết tiếng Anh 2)

Nội dung: Nhằm giúp sinh viên nắm bắt được cách học tiếng Anh một cách hiệu quả, biết cách tự học và tự rèn luyện. Đồng thời, môn học này còn giúp cho sinh viên có một chiến lược học tập, rèn luyện phù hợp với trình độ, khả năng và ý thích của mình. Học phần này gồm các chương dạy về cách mở rộng từ vựng, cách học văn phạm và rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết một cách hiệu quả.

000925 Kỹ thuật thuyết trình tiếng Anh: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe nói tiếng Anh 4, Đọc tiếng Anh 4, Viết tiếng Anh 4)

Nội dung: Hướng dẫn sinh viên các bước chuẩn bị và thể hiện bài thuyết trình về những đề tài dự định. Môn học cung cấp kiến thức và giúp sinh viên luyện tập thuyết trình với những vấn đề liên quan như: giọng nói, ngôn ngữ sử dụng, kỹ thuật bắt đầu đề tài, cách trả lời câu hỏi và xử lý tình huống trong quá trình trình bày. Môn học này cũng giúp sinh viên luyện tập

kỹ năng tổ chức các buổi thuyết trình và thảo luận.

001011 Luyện phát âm tiếng Anh: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngữ âm và hệ thống ký hiệu phiên âm quốc tế: cách phát âm nguyên âm, nguyên âm đôi và phụ âm. Ngoài ra, sinh viên còn được luyện tập cách nhấn âm tiết và phát âm đúng ngữ điệu của câu nói. Sinh viên có thể tự tra cách phát âm và ghi cách phát âm từ để có thể nghe và phát âm đúng. Môn học còn giúp sinh viên nhận ra sự khác biệt giữa các âm trong tiếng Anh và tiếng Việt. Từ đó, sinh viên có thể tự sửa lỗi khi phát âm và biết cách sử dụng từ điển có phiên âm quốc tế. Qua môn học này, sinh viên sẽ cảm thấy tự tin hơn khi nghe, nói tiếng Anh và học tốt các môn nghe nói.

001085 Nghe & Nói tiếng Anh 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần bao gồm những bài nghe nói nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng theo từng bước và tạo được sự tự tin trong giao tiếp. Các bài học và chủ đề được thiết kế giúp sinh viên luyện tập kỹ năng nghe nói ở trình độ sơ cấp.

001086 Nghe & Nói tiếng Anh 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe & Nói tiếng Anh 1)

Nội dung: Học phần này nối tiếp học phần Nghe nói 1. Các chủ đề bao gồm: gia đình, sức khỏe, giải trí, truyền thông, đời sống xã hội, lễ hội, tập tục, tiêu dùng v.v. Nội dung các bài học được thiết kế ở trình độ cao hơn về sự phức tạp của bài tập, tính phong phú của đề tài, tạo phản xạ nhanh nhạy trong nghe và nói, giúp sinh viên đạt trình độ nghe nói tiền trung cấp.

001087 Nghe & Nói tiếng Anh 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe & Nói tiếng Anh 2)

Nội dung: Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên những bài tập nghe nâng cao với tốc độ nhanh hơn với các chủ đề mang tính chuyên ngành. Phần luyện nói cũng được yêu cầu cao hơn về sự trôi chảy, khả năng diễn đạt mạch lạc, cách sử dụng từ và cấu trúc. Ngoài ra, ở học phần này, sinh viên cũng được hướng dẫn kỹ thuật nói trước đám đông một cách hiệu quả nhằm rèn luyện kỹ năng thuyết trình, phục vụ cho công việc sẽ đảm nhận trong tương lai. Kết thúc học phần sinh viên có thể đạt trình độ nghe nói trung cấp.

001088 Nghe & Nói tiếng Anh 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe & Nói tiếng Anh 3)

Nội dung: Học phần được thiết kế tương tự như ở học phần trước với nhiều chủ đề mới hơn. Sinh viên tiếp tục luyện tập nhằm nâng cao thêm các kỹ năng đã được đề cập đến trong học phần trước. Các bài nghe được thiết kế theo hình thức giao tiếp có sự tương tác cao. Sinh viên thực hành nói theo cặp và nhóm. Hoạt động nói phong phú, được xây dựng với mức độ khó tăng dần và phù hợp với trình độ trung cấp như: đối thoại theo tình huống có gợi ý cụ thể, thảo luận, mô tả tranh và thuyết trình ngắn. Kết thúc học phần sinh viên có thể đạt trình độ

nghe nói trung cấp.

001089 Nghe & Nói tiếng Anh 5: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe & Nói tiếng Anh 4)

Nội dung: Nội dung học phần tập trung vào việc củng cố và rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe và nói ở trình độ nâng cao. Các bài học chủ yếu là bài tập thực hành dưới nhiều hình thức khác nhau với nhiều đề tài đa dạng, phong phú và có tính chất chuyên sâu vào các lĩnh vực chuyên ngành.

001176 Ngữ pháp tiếng Anh: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học giúp sinh viên nắm được những điểm ngữ pháp căn bản như: cách sử dụng thì, cách đặt câu hỏi, động từ khiếm khuyết, các dạng và cấu trúc của động từ, các loại danh từ, tính từ, giới từ .v.v. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên viết câu bằng cách sử dụng mệnh đề và câu nói tường thuật. Môn học chú trọng cách sử dụng đúng qui tắc ngữ pháp trong các tình huống thực tế với những bài đàm thoại, thư viết và chuyện kể ngắn.

001841 Dẫn nhập ngôn ngữ: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học bao gồm những bài giảng và phân luyện tập về từ vựng, giúp sinh viên hiểu cách kết hợp các yếu tố để hình thành từ vựng, cách phân tích từ, tìm hiểu gốc từ .v.v. . Ngoài ra, môn học cũng đề cập đến các phạm trù ngữ nghĩa trong những ngữ cảnh cụ thể bằng cách cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ nghĩa học, các loại nghĩa, tính chất, mối quan hệ về nghĩa trong ngôn ngữ.

001854 Văn hóa Mỹ: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết : không

Nội dung: Môn học khắc họa đặc điểm hình thành nên con người và văn hóa Mỹ, giúp sinh có kiến thức cơ bản về địa lý, lịch sử nước Mỹ, lối sống của người Mỹ và sự đa dạng của xã hội Mỹ. Từ những hiểu biết này, sinh viên có sự yêu thích hơn với ngôn ngữ để giao tiếp hiệu quả và có cách ứng xử phù hợp trong các tình huống có liên quan đến con người và đất nước Mỹ.

001911 Viết tiếng Anh 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung học phần bao gồm các loại cấu trúc câu và ngữ pháp đa dạng ở cấp độ cơ bản như: câu đơn, câu phức và câu ghép. Ngoài ra, học phần còn cung cấp lý thuyết về quy trình viết, quy cách viết và những bài tập thực hành viết câu đúng ngữ pháp theo các chủ đề thông dụng như: mô tả người và vật, hướng dẫn, diễn đạt ý tưởng ngắn gọn. Các bài tập viết nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ viết sơ cấp.

001912 Viết tiếng Anh 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Viết tiếng Anh 1)

Nội dung: Nội dung học phần bao gồm các loại cấu trúc câu và ngữ pháp đa dạng ở cấp độ cao hơn học phần Viết 1. Sinh viên được củng cố kỹ năng viết câu và thực hành viết đoạn theo các thể loại như: mô tả qui trình, diễn đạt ý, kể chuyện .v.v.. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn cách viết câu chủ đề và phát triển ý tưởng với những bài tập thực hành viết một đoạn văn hoàn chỉnh theo chủ đề cho trước ở trình độ tiền trung cấp.

001913 Viết tiếng Anh 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Viết tiếng Anh 2)

Nội dung: Học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức để trình bày và viết đoạn và bài văn hoàn chỉnh. Nội dung chú trọng đến cách viết đúng ngữ pháp, có sự nhất quán và mạch lạc, cách dùng từ và cụm từ chuyển tiếp, lập dàn ý chi tiết theo các thể loại như: mô tả, kể chuyện, trình bày ý kiến, so sánh, phân tích nguyên nhân và kết quả .v.v. Các bài luyện tập nhằm giúp sinh viên đạt được kỹ năng viết trình độ trung cấp.

001914 Viết tiếng Anh 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Viết tiếng Anh 3)

Nội dung: Học phần này nhằm củng cố và phát triển kỹ năng viết nhằm trao đổi thông tin, tường thuật các sự kiện, diễn đạt ý nghĩ dưới dạng đoạn văn và bài luận viết theo chủ đề và thể loại như: tường thuật qui trình, tranh luận, phản bác .v.v. Nội dung của học phần nhằm phát triển kỹ năng viết đoạn và bài luận cho sinh viên ở trình độ nâng cao.

001307 Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết : học phần trước (Nghe & Nói tiếng Anh 3, Đọc tiếng Anh 3, Viết tiếng Anh 3)

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về giáo học pháp, giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về các phương pháp giảng dạy tiếng Anh tiêu biểu qua từng thời kỳ, những ưu và khuyết điểm của từng phương pháp để lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn cách quản lý lớp học, cách chọn lựa tài liệu giảng dạy phù hợp với đối tượng, cách chuẩn bị và sử dụng giáo cụ trực quan v.v.

001308 Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: Học phần trước (Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1)

Nội dung: Trên cơ sở lý thuyết đã học ở môn Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1, sinh viên được hướng dẫn cụ thể cách thiết kế bài giảng, soạn giáo án chi tiết để giảng dạy ngữ pháp, từ vựng, phát âm và các kỹ năng ngôn ngữ cho học sinh. Sinh viên bước đầu thực tập lên lớp giảng dạy các bài trong sách giáo khoa hiện đang được sử dụng ở các trường trung học cơ sở. Ngoài ra, sinh viên còn được luyện tập cách sửa lỗi phát âm của học sinh và giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình lên lớp.

001310 Phương pháp kiểm tra và đánh giá học tập: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe & Nói tiếng Anh 3, Đọc tiếng Anh 3, Viết tiếng Anh 3)

Anh 3)

Nội dung: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp kiểm tra và đánh giá học tập tiếng Anh. Học phần bao gồm các nội dung: những quan điểm khác nhau về các phương pháp, mục đích của các bài kiểm tra, ưu điểm và hạn chế của mỗi loại hình kiểm tra và các phương pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh. Qua đó, sinh viên có thể tìm ra phương pháp kiểm tra phù hợp để thực hiện công việc của giáo viên giảng dạy tiếng Anh trong tương lai. Ngoài ra, học phần cũng hướng dẫn sinh viên cách soạn bài kiểm tra theo hình thức và nội dung yêu cầu tương ứng với từng loại bài dạy.

001481 Tâm lý giáo dục học: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giới thiệu một số kiến thức cơ bản và tổng quát về sự hình thành và phát triển tâm lý của con người qua các giai đoạn, các quan điểm của các trường phái khác nhau về vai trò của người giáo viên trong quá trình hình thành và phát triển tâm lý này. Từ đó môn học trang bị cho những người thầy tương lai ý thức tự giác về vị trí và vai trò của mình đối với nhận thức và nhân cách của học viên của mình trong quá trình dạy và học.

000085 Biên phiên dịch Anh ngữ du lịch 1: 3 (30, 30, 75)

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên lý thuyết cơ bản về biên phiên dịch, những bài viết học thuật liên quan đến công việc biên phiên dịch, những kỹ thuật khi tiến hành biên phiên dịch, các loại văn bản và những yêu cầu đối với người làm công tác dịch thuật. Ngoài ra, sinh viên cũng được củng cố kiến thức về ngữ pháp và ứng dụng của chúng trong biên phiên dịch. Kiến thức liên quan đến du lịch cũng được đưa vào các bài học nhằm giúp sinh viên có khái niệm cơ bản về lĩnh vực này.

000086 Biên phiên dịch Anh ngữ du lịch 2: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Biên phiên dịch Anh ngữ du lịch 1)

Nội dung: Đây là học phần tiếp theo của học phần Biên phiên dịch du lịch 1. Ở học phần này, nội dung tập trung chủ yếu vào phần thực hành và hướng dẫn cách ghi chú, ghi nhớ thông tin, phản ứng nhạy bén trong các tình huống phát sinh khi dịch thuật. Các bài học bao gồm những vấn đề liên quan đến du lịch như: chương trình tham quan, đáp ứng nhu cầu du khách, danh lam thắng cảnh, di sản, văn hóa vùng miền v.v. Nhìn chung, nội dung bài học cũng tương tự như ở học phần 1 nhưng yêu cầu cao hơn về độ khó và tính phức tạp của các đề tài và độ dài của các bài dịch.

000087 Biên phiên dịch Anh ngữ khách sạn 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe & Nói tiếng Anh 3, Đọc tiếng Anh 3, Viết tiếng Anh 3)

Nội dung: Học phần nhằm giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về lĩnh vực khách sạn và công việc của một biên phiên dịch viên hoạt động trong lĩnh vực này. Kỹ thuật biên phiên dịch cụm từ, thuật ngữ, câu cơ bản, cách phân tích văn bản v.v. được đưa vào phần thực hành trên lớp. Sinh viên cũng được làm quen với những tình huống dịch nói sát gần với thực tế và cách xử lý

tình huống gặp phải trong quá trình dịch.

000088 Biên phiên dịch Anh ngữ khách sạn 2: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Biên phiên dịch Anh ngữ khách sạn 1)

Nội dung: Môn học cung cấp kiến thức và thuật ngữ để sinh viên có thể biên phiên dịch các văn bản, báo cáo, tài liệu .v.v. Nội dung các bài học bao quát kiến thức khá rộng về lĩnh vực khách sạn và những công việc đặc thù của ngành như: tiếp tân, cung cấp thức ăn, dịch vụ phòng, các tiện nghi .v.v. Sinh viên được thực hành các bài tập ở mức độ cao hơn để luyện kỹ năng dịch thuật.

000089 Biên phiên dịch thương mại và văn phòng: 4 (45, 30, 105)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe & Nói tiếng Anh 4, Đọc tiếng Anh 4, Viết tiếng Anh 4)

Nội dung: Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng chuyên ngành trong lĩnh vực văn phòng và thương mại. Sinh viên được làm quen với các khái niệm, thuật ngữ được sử dụng trong văn phòng và doanh nghiệp. Ngoài ra, sinh viên cũng học cách phân tích văn bản đặc thù như: điều lệ, hợp đồng, thỏa thuận, ghi nhớ, tài liệu cho các hội nghị v.v. và kỹ thuật dịch phù hợp cho từng loại văn bản.

000015 Anh ngữ trong du lịch: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe & Nói tiếng Anh 3, Đọc tiếng Anh 3, Viết tiếng Anh 3)

Nội dung: Môn học này không chỉ giới thiệu những khái niệm về ngành du lịch được với các tình huống giao tiếp ứng dụng thực tế mà còn nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp của sinh viên. Môn học bao gồm những vấn đề như: giới thiệu tổng quan về lịch sử hình thành và phát triển du lịch, các loại hình du lịch, cách tổ chức của một công ty du lịch, cách thiết kế tham quan và hướng dẫn du khách, tổ chức khách sạn v.v.

000016 Anh ngữ trong kinh doanh: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe & Nói tiếng Anh 3, Đọc tiếng Anh 3, Viết tiếng Anh 3)

Nội dung: Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về kinh thương, giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh và nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế thương mại và những lĩnh vực có liên quan như: quản trị, sản xuất, tiếp thị, tài chính và kinh tế vĩ mô. Môn học còn cung cấp các bài báo, tài liệu trên các trang Web để tạo cho sinh viên cơ hội sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt, tóm tắt, phân tích, phê bình và thảo luận các đề tài có liên quan đến lĩnh vực kinh thương.

000018 Anh ngữ văn phòng 1: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe & Nói tiếng Anh 3, Đọc tiếng Anh 3, Viết tiếng Anh 3)

Nội dung: Môn học nhằm cung cấp từ vựng tiếng Anh chuyên ngành và trang bị kiến thức cơ

bản về nghiệp vụ thư ký văn phòng. Trọng tâm môn học hướng tới việc cung cấp kiến thức và nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ thông qua những tình huống gần với thực tế. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn soạn thảo các loại thư tín thương mại, cách giao tiếp trong văn phòng, cách tiếp chuyện qua điện thoại v.v.

000890 Kỹ thuật kể chuyện: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe & Nói tiếng Anh 4, Đọc tiếng Anh 4, Viết tiếng Anh 4)

Nội dung: Hướng dẫn cho sinh viên cách phân tích thể loại truyện, kỹ thuật và các bước chuẩn bị thể hiện một câu chuyện. Môn học này còn giúp cho sinh viên nâng cao lối giao tiếp thẩm mỹ thông qua việc kể chuyện để giải trí hay giáo dục.

001023 Lý thuyết học ngoại ngữ: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe & Nói tiếng Anh 3, Đọc tiếng Anh 3, Viết tiếng Anh 3)

Nội dung: Cung cấp các nguyên lý và lý thuyết học tập ngoại ngữ, các phương pháp tự học và học tập có hướng dẫn, phục vụ cho quá trình học tập và giảng dạy, các phương pháp tìm hiểu và phát huy phong cách học tập của người học.

001854 Văn hóa Anh: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp kiến thức chung về lịch sử, đất nước, con người Anh và những cơ chế xã hội để tạo nên nét đặc thù nhằm phát họa những đặc điểm của nền văn minh Anh. Môn học cũng nhằm tạo cho sinh viên thói quen tìm tài liệu, có tư duy độc lập, biết trình bày và phán đoán. Ngoài ra, sinh viên có thể phát triển và nâng cao phương pháp phân tích, giải thích những đặc điểm văn hóa Anh và qua đó có cách ứng xử phù hợp khi giao tiếp và khi có điều kiện tiếp cận.

001856 Văn học Anh 1: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe & Nói tiếng Anh 3, Đọc tiếng Anh 3, Viết tiếng Anh 3)

Nội dung: Cung cấp kiến thức lịch sử văn học Anh qua các thời đại và trào lưu văn hoá. Ứng dụng kỹ năng phê bình văn học qua các tác phẩm tiêu biểu của các thời kỳ và các tác giả điển hình với các thể loại văn học như: các bài ballad, truyện, thơ, truyện ngắn, và các trích dẫn tiểu thuyết và bi kịch.

001857 Văn học Anh 2: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Văn học Anh 1)

Nội dung: Cung cấp kiến thức lịch sử văn học Anh qua các thời đại và trào lưu văn hoá. Ứng dụng kỹ năng phê bình văn học qua các tác phẩm tiêu biểu của các thời kỳ và các tác giả điển hình với các thể loại văn học như: các bài ballad, truyện, thơ, truyện ngắn, và các trích dẫn tiểu thuyết và bi kịch.

001858 Văn học Mỹ 1: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe & Nói tiếng Anh 3, Đọc tiếng Anh 3, Viết tiếng Anh 3)

Nội dung: Giới thiệu lịch sử văn học Mỹ từ thời thuộc địa đến các tác giả đương đại. Nhấn mạnh vào khả năng diễn dịch và phê bình các tác phẩm văn học từ thời kỳ lãng mạn đến thời kỳ hiện thực, gồm các thể loại: thơ, truyện ngắn và các trích đoạn tiểu thuyết qua các chủ điểm văn học.

001859 Văn học Mỹ 2: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Văn học Mỹ 1)

Nội dung: Giới thiệu lịch sử văn học Mỹ từ thời thuộc địa đến các tác giả đương đại. Nhấn mạnh vào khả năng diễn dịch và phê bình các tác phẩm văn học từ thời kỳ lãng mạn đến thời kỳ hiện thực, gồm các thể loại: thơ, truyện ngắn và các trích đoạn tiểu thuyết qua các chủ điểm văn học.

001671 Thực tập cuối khóa cao đẳng - PPGD: 5 (0, 300)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2)

Nội dung: Dựa trên nền tảng được học ở các môn Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1 và 2, sinh viên được tham gia vào các hoạt động thực tập giảng dạy như dự giờ, lập kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án, soạn đề kiểm tra, đánh giá. Sinh viên sẽ trực tiếp thực hành giảng dạy ở những lớp Anh văn tại Trung tâm ngoại ngữ dưới sự hướng dẫn và nhận xét của giáo viên phụ trách lớp. Sinh viên sẽ có cơ hội quan sát, thực hành, đánh giá trao đổi rút kinh nghiệm, và trau dồi nghiệp vụ chuyên môn cho mục đích học suốt đời.

032021 Thực tập cuối khóa cao đẳng - BPD: 6 (0, 360)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Biên phiên dịch Anh ngữ du lịch 2 và Biên phiên dịch Anh ngữ khách sạn 2)

Nội dung: Sau khi hoàn tất học phần Biên phiên dịch Anh ngữ du lịch 2 và Biên phiên dịch Anh ngữ khách sạn 2, sinh viên sẽ thực tập tại các công ty du lịch, khách sạn, các công ty kinh doanh...

000784 Khóa luận tốt nghiệp cao đẳng - Tiếng Anh: 5**000845 Kỹ năng tổng hợp (Môn thay thế khóa luận tốt nghiệp)**

Nội dung: Trong học phần này sinh viên được ôn tập, củng cố và rèn luyện 4 kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết. Sinh viên được đọc những đoạn văn được trích từ báo, tạp chí, sách và các tài liệu liên quan đến nhiều chủ đề khác nhau. Sinh viên được nghe những bài đàm thoại liên quan đến những vấn đề như: xã hội, y tế, du lịch, giáo dục, văn hóa .v.v. và những bài nói về các đề tài mang tính học thuật. Qua đó, sinh viên được làm quen với nhiều giọng nói khác nhau của người ở các nước: Anh, Mỹ, Úc, Canada, New Zealand v.v. Sinh viên luyện nói theo chủ đề của bài đọc dưới dạng trả lời câu hỏi và tóm tắt ý chính. Ngoài ra, sinh viên được luyện viết câu, đoạn văn và bài viết ngắn theo các chủ đề thông dụng thường ngày

và trong lĩnh vực kinh doanh thương mại như: thư yêu cầu thông tin, thư hỏi đáp, thư đặt hàng, khiếu nại, tín dụng, dịch vụ ngân hàng .v.v.



**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Trần Ai Cẩm

TRƯỞNG PHÒNG ĐT

ThS. Nguyễn Lan Phương

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Phú Thọ

